

Bản án số 01/2018/KDTM-ST

Ngày 25-5-2018

V/v: Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thạch

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đăng Thanh

2. Bà Hoàng Thị Thu Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Chính - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 25-5-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2017/TLST - KDTM ngày 08-12- 2017 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST - KDTM ngày 08-3-2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018 ngày 06-4-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018 ngày 27-4-2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn T

Địa chỉ: Thôn T, xã Kỳ H, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Công V; Chức vụ Giám đốc (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T

(Theo giấy ủy quyền ngày 24-10-2016 của Giám đốc Công ty TNHH T)

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và thương mại dịch vụ A

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H; Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Tổ dân phố Ba Đ, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Nguyên đơn là Công ty TNHH T và bị đơn là Công ty trách TNHH xây dựng và dịch vụ thương mại A đã ký với nhau Hợp đồng mua bán dầu diesel số 10.11/HĐMB/2014 ngày 10-12-2015. Theo đó, Công ty TNHH T bán số lượng dầu diesel 0.25% cho Công ty TNHH Xây dựng và thương mại dịch vụ A với số lượng theo từng đợt bên mua yêu cầu, đơn giá theo giá thị trường tại thời điểm giao nhận hàng, mục đích mua nhiên liệu dầu để về phục vụ xe ô tô, máy cày, máy nổ chạy công trình xây dựng, thời hạn thanh toán tiền mua dầu là 15 ngày kể từ ngày nhận hàng lần đầu, định mức thanh toán là dưới 500.000.000 đồng, nếu chưa đủ 15 ngày mà số tiền định mức đã hết thì bên Công ty TNHH xây dựng và thương mại dịch vụ A sẽ thanh toán hết tiền với Công ty TNHH T. Thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH T đã tiến hành cấp dầu cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại dịch vụ A từ ngày 01-01-2016 đến ngày 22-01-2016 với số tiền phải thanh toán là 231.440.000 đồng. Đã nhiều lần Công ty TNHH T yêu cầu Công ty TNHH xây dựng và thương mại dịch vụ A thanh toán số tiền trên nhưng bị từ chối, không thanh toán. Đến ngày 18-02-2016 ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH xây dựng và thương mại dịch vụ A mới đến và chốt công nợ với số tiền là 231.440.000 đồng, đồng thời ông Hùng ký, đóng dấu xác nhận của công ty số tiền nợ trên và xin gia hạn nợ 10 ngày sau sẽ trả. Sau 10 ngày hẹn, Công ty TNHH T đã nhiều lần yêu cầu gặp mặt, đề nghị thanh toán số tiền vay nợ trên nhưng bị từ chối và đã đến tại Văn phòng của Công ty TNHH xây dựng và thương mại dịch vụ A cũng là nhà riêng của ông Nguyễn Văn H thì bị ông Hùng đe dọa và thách thức không chịu trả số tiền trên. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH xây dựng và thương mại dịch vụ An Phát thanh toán số tiền 231.440.000 đồng cho Công ty TNHH T.

Ngày 24-5-2018, Tòa án nhận được đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Rút phần yêu trả số tiền lãi là 57.002.400 đồng của số tiền nợ 231.440.000 đồng và rút phần yêu cầu buộc Công ty TNHH xây dựng và thương mại dịch vụ A trả số tiền vay tài sản ngày 09-12-2015 là 40.000.000 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH xây dựng và thương mại dịch vụ A có địa chỉ đăng ký kinh doanh và trụ sở công ty tại nhà riêng ông Nguyễn Văn H ở Khu tái định cư B,

phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản thủ tục tố tụng theo luật định, nhưng vẫn vắng mặt trong các buổi làm việc để lấy lời khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Ngày 07-02-2018, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương về địa chỉ của bị đơn: Bị đơn Công ty TNHH xây dựng và thương mại dịch vụ A có địa chỉ trụ sở công ty tại nhà riêng của ông Nguyễn Văn H ở Khu tái định cư B, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện nay Công ty không có người làm việc tại văn phòng, người đại diện theo pháp luật của công ty ông Nguyễn Văn H đi đâu, làm gì không ai rõ, thỉnh thoảng có thấy ông H về nhà rồi lại đi, khi đi ông H không thông báo cho chính quyền địa phương biết. Chính quyền địa phương chưa nhận được thông báo của ông Hùng về sự chấm dứt hoạt động của Công ty và sự thay đổi về địa chỉ trụ sở của Công ty.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn đã không chấp hành quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bị đơn trốn tránh trách nhiệm, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ vào bản Hợp đồng ngày 10-12-2015 mà nguyên đơn, bị đơn đã ký và giấy xác nhận chốt công nợ ngày 18-02-2016 do Công ty TNHH xây dựng và thương mại dịch vụ A đã ký và đóng dấu công ty. Có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 231.440.000 đồng cho nguyên đơn. Nội dung rút một phần yêu cầu khởi của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, do đó có căn cứ chấp nhận để đình chỉ xét xử đối với rút các yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 10-12-2015 Công ty TNHH T ký kết với Công ty TNHH xây dựng và thương mại dịch vụ A đồng mua bán hàng hóa là dầu diesel. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Điều 428 Bộ luật dân sự 2005 và tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và nhằm mục đích lợi nhuận. Bị đơn là Công ty TNHH xây dựng và thương mại dịch vụ A có địa chỉ tại Tổ dân phố B, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

[2] Về thủ tục tố tụng.

Từ khi Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo luật định. Kết quả xác minh địa chỉ của bị đơn tại địa phương: Bị đơn có địa chỉ đăng ký kinh doanh cũng như nơi cư trú tại nhà riêng của ông Nguyễn Văn H ở Khu tái định cư B, phường K, thị xã K. Hiện nay, công ty không có người làm việc tại văn phòng, người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Nguyễn Văn H đi đâu, làm gì không ai rõ, thỉnh thoảng có thấy về nhà riêng rồi lại đi, khi đi ông H không thông báo cho chính quyền địa phương biết. Chính quyền địa phương chưa nhận được thông báo của ông H về sự chấm dứt hoạt động của Công ty và sự thay đổi về địa chỉ trụ sở của Công ty. Nguyên đơn không nhận được thông báo gì về địa chỉ mới của bị đơn. Do đó, căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 2 điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thẩm phán tiến hành thụ lý giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung.

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền mua dầu diesel thấy rằng: Nguyên đơn và bị đơn đã ký hợp đồng mua bán dầu diesel với nhau, nguyên đơn đã cung cấp dầu theo yêu cầu của bị đơn, đã đến thời hạn thanh toán tiền mua hàng mà hai bên đã thỏa thuận. Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH xây dựng và thương mại dịch vụ A là ông Nguyễn Văn H đã chốt công nợ, ký và đóng dấu xác nhận đến ngày 18-02-2016, nợ Công ty TNHH T số tiền hàng mua dầu diesel là 231.440.000 đồng. Do đó, căn cứ vào Điều

290, 428, 438 Bộ luật dân sự 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán hết số tiền 231.440.000 đồng cho nguyên đơn.

[3.2] Xét yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét thấy, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi 57.002.400 đồng của số tiền nợ 231.440.000 đồng và rút phần yêu cầu buộc Công ty TNHH xây dựng và thương mại dịch vụ A trả số tiền vay tài sản ngày 09-12-2015 là 40.000.000 đồng, là hoàn toàn tự nguyện, do đó căn cứ vào Điểm e Khoản 1 Điều 217, Điều 218, Khoản 2 Điều 219, Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ các yêu cầu khởi kiện trên. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại các yêu cầu trên theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

[4] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 231.440.000 đồng, được Tòa án chấp nhận, nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm với mức thu là (5% của giá trị tranh chấp) 11.572.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điểm e Khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điểm c Khoản 1 Điều 688, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 290, 428, 438, 305 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điểm b Khoản 1 Điều 24, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T.

Buộc Công ty TNHH xây dựng và thương mại dịch vụ A phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH T số tiền 231.440.000 đồng (Hai trăm ba một triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T về việc yêu cầu Công ty TNHH xây dựng và thương mại dịch vụ A thanh toán số tiền lãi 57.002.400 đồng và Đình chỉ xét xử yêu cầu Công ty TNHH xây dựng và thương mại dịch vụ A trả nợ số tiền 40.000.000 đồng vay của Công ty TNHH T. Công ty TNHH T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu trên theo quy định tại Khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về án phí:

3.1 Công ty TNHH xây dựng và thương mại dịch vụ A phải nộp 11.572.000 đồng (Mười một triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3.2 Hoàn trả lại cho Công ty TNHH T số tiền tạm ứng án phí 8.100.000 đồng (Tám triệu một trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0006755 ngày 08-12-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh.

4. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Kỳ Anh;
- Chi cục THADS thị xã Kỳ Anh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu Hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Thạch

